

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI-BỘ TÀI CHÍNH
Số: 06/LB-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 1997

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

Hướng dẫn chế độ bồi dưỡng đối với

công nhân, viên chức một số ngành, nghề đặc biệt trong các doanh nghiệp

Thi hàng Quyết định số 611/TTg ngày 4/9/1996 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với công nhân, viên chức một số ngành, nghề đặc biệt trong doanh nghiệp; sau khi trao đổi ý kiến với các Bộ, ngành liên quan; Liên bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. CHẾ ĐỘ ĂN ĐỊNH LƯỢNG:

1. Đối tượng:

Đối tượng hưởng chế độ ăn định lượng theo quy định tại Quyết định số 611/TTg ngày 4/9/1996 của Thủ tướng Chính phủ là những người thường xuyên, trực tiếp làm các công việc cụ thể như sau:

Mức I:

Tổ lái máy bay bao gồm: Lái chính, lái phụ, dẫn đường và cơ giới trên không, xếp lương theo bảng lương công nhân, viên chức hàng không dân dụng (B 11)

Thợ lặn thường xuyên lặn phục vụ các công trình dầu khí, giao thông, thủy lợi,... xếp lương theo bảng lương thợ lặn. (B 12)

Công nhân, viên chức tàu biển vận tải đi nước ngoài, xếp lương theo bảng lương tàu vận tải biển (B 2);

Công nhân, viên chức tàu vận chuyển thủy sản trên biển có công suất từ 800 sức ngựa trở lên, xếp lương theo bảng lương tàu vận chuyển và thu mua cá trên biển (B 9);

Công nhân, viên chức tàu cứu hộ, cứu nạn trên biển, xếp lương theo bảng lương tàu trục vớt và cứu hộ (B 7).

Mức II:

Công nhân xây dựng và khai thác than ở hầm lò, xếp lương theo thang lương khai thác mỏ hầm lò (A 5);

Công nhân, viên chức tàu vận tải biển, kể cả tàu chuyển tải trên biển, xếp lương theo bảng lương tàu vận tải biển (B 2);

Công nhân, viên chức tàu đánh bắt hải sản trên biển, xếp lương theo bảng lương tàu đánh cá biển (B 8);

Công nhân, viên chức tàu vận chuyển hàng thủy sản trên biển có công suất dưới 800 sức ngựa, xếp lương theo bảng lương tàu vận chuyển và thu mua cá trên biển (B 9);

Công nhân, viên chức tàu công trình biển, xếp lương tàu nạo vét biển theo bảng lương tàu công trình (B 6);

Công nhân, viên chức tàu trực vớt ngoài biển, xếp lương theo bảng lương tàu trực vớt và cứu hộ (B 7);

Công nhân, viên chức các tàu địa vật lý, nghiên cứu biển, xếp lương theo bảng lương tàu vận tải biển (B 2) và bảng lương khoa học - kỹ thuật (13) theo Nghị định 25 - CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ;

Công nhân, viên chức tàu hộ tống, tàu dịch vụ dầu khí biển, xếp lương theo bảng lương tàu vận tải biển (B 2); hoa tiêu cảng biển, xếp lương theo bảng lương hoa tiêu (B 3);

Công nhân, viên chức làm việc ở các dàn khoan trên biển (tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí), xếp lương theo thang lương dầu khí (A 3) và bảng lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ ở các doanh nghiệp;

Kiểm soát viên không lưu cấp I, II, III; tiếp viên hàng không dân dụng trực tiếp phục vụ hành khách, hàng hoá trên các chuyến bay, xếp lương theo bảng lương công nhân, viên chức hàng không dân dụng (B 11).

Mức III:

Công nhân đèn luồng (kể cả công nhân thay, thả phao báo hiệu trên luồng từ cửa biển vào cảng biển), đèn đảo, xếp lương theo bảng lương công nhân các trạm đèn

sông, đèn biển (B 4);

Công nhân, viên chức các ngành, nghề trong thời gian đo đạc, chụp ảnh hàng không thành lập bản đồ; đo đạc thành lập bản đồ địa hình đáy biển.

2. Mức định lượng được hưởng:

Theo 3 mức dưới đây:

Mặt hàng	Đơn	Định lượng trong một tháng		
định lượng	vị tính	Mức I	Mức II	Mức III
1. Gạo	kg	24	24	24
2. Thịt, mỡ các loại	-	6	4	3
3. Cá	-	4	3	2
4. Rau	-	10	10	10
5. Đậu, vừng, lạc	-	3	2	2
6. Trứng	quả	15	10	10
7. Đường	kg	3	3	3
8. Sữa đặc	hộp	3	2	2
9. Chè	kg	1	0,5	0,5
10. Nước mắm	lít	1,5	1,5	1,5
11. Bánh, kẹo	kg	3	2	2
12. Hoa quả	kg	10	5	5
13. Gia vị, phụ phí		15%	10%	10%

	% trên tổng giá trị các mặt hàng định lượng trên			
--	--	--	--	--

Chất lượng và giá các mặt hàng định lượng là những mặt hàng thông thường tính theo giá công bố của ngành thống kê trên địa bàn doanh nghiệp đóng tại thời điểm chi trả.

Đối tượng được hưởng chế độ ăn định lượng phải đóng 30% mức tiền ăn định lượng theo quy định trên.

3. Cách tính hưởng định lượng:

Tiêu chuẩn định lượng hàng tháng được tính theo mức độ hoàn thành định mức hoặc bảo đảm thời gian lao động tiêu chuẩn trong tháng. Nếu hoàn thành và hoàn thành vượt định mức lao động hoặc bảo đảm thời gian lao động tiêu chuẩn thì được hưởng đủ tiêu chuẩn định lượng của cả tháng; nếu không hoàn thành định mức lao động hoặc không bảo đảm thời gian lao động tiêu chuẩn thì tiêu chuẩn định lượng được hưởng tương ứng với mức độ hoàn thành định mức lao động hoặc thời gian lao động tiêu chuẩn.

Ví dụ: Tiếp viên ngành hàng không dân dụng Việt Nam định mức phục vụ trên các chuyến bay là 60 giờ/tháng. Nếu thực hiện đủ 60 giờ thì được hưởng tiêu chuẩn định lượng (mức II) của cả tháng. Nếu chỉ thực hiện được 42 giờ/tháng thì chỉ được hưởng 7% (42:60) mức định lượng của cả tháng.

Doanh nghiệp không được chi trả bằng tiền mà phải tổ chức bảo đảm ăn đủ tiêu chuẩn định lượng bằng hiện vật cho các đối tượng theo quy định. Trường hợp thật đặc biệt (đối tượng làm việc phân tán, nhỏ lẻ) doanh nghiệp không thể tổ chức ăn thì được cấp tiêu chuẩn định lượng bằng tiền cho người lao động tự tổ chức ăn. Doanh nghiệp phải thường xuyên kiểm tra việc tự tổ chức ăn của các đối tượng này.

Chi phí chế độ ăn định lượng được hạch toán 70% vào giá thành hoặc phí lưu thông của doanh nghiệp.

Đối tượng hưởng chế độ ăn định lượng thì không ảnh hưởng chế độ bồi dưỡng nặng nhọc, độc hại bằng hiện vật và không được tính vào đơn giá tiền lương.